

Bản án số: 70/2024/HS-ST
Ngày 26-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Thanh Trí;
2. Bà Nguyễn Hoa Lài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền T - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân huyện C, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 63/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Võ Chí T1, tên gọi khác: không; Sinh năm 1996, tại huyện C, tỉnh Hậu Giang. Nơi cư trú tại: ấp D, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Thanh H, sinh năm 1967 (Còn sống) và bà Trần Thị V, sinh năm 1965 (Còn sống); anh chị em ruột: 02 người; bị cáo có vợ tên Phạm Thị Hoài D, sinh năm 2001; có 02 con, con lớn sinh năm 2020, con nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tốt. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16/5/2024 và tạm giam cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Nguyễn Trường N, sinh ngày 2001, ĐKTT: ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Trường L, sinh năm 1978, ĐKTT: ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang; (vắng mặt)

2. **Lê Vũ B**, sinh năm 1987, đăng ký thường trú tại **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang**. (vắng mặt)
3. **Trần Văn T2**, sinh năm 1996; đăng ký thường trú tại **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang**. (vắng mặt)
4. **Võ Thị Bé M**, sinh năm 1988; trú tại: **ấp D, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang**. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Chí T1 và **Nguyễn Trường N** có mối quan hệ là bạn bè với nhau. Tối ngày 16/6/2020, **N** điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Sonic, biển số kiểm soát 95B1-833.46 đến nhà **Võ Chí T1** chơi và ngủ lại đây. Đến sáng ngày 17/6/2020, **Võ Chí T1** hỏi mượn xe mô tô 95B1-833.46 để đi công việc thì **N** đồng ý và đưa chìa khóa xe cho **T1**, đến khoảng 10 giờ sáng cùng ngày thì **T1** điều khiển xe về nhà cùng ăn cơm với **N** sau đó tiếp tục hỏi mượn xe của **N** để đi công việc, **N** đồng ý. Sau khi mượn được xe, **T1** chạy đi mượn tiền để đánh đề và tiêu xài cá nhân nhưng không được nên nảy sinh ý định cầm xe của **N** để lấy tiền. Ngày 17/6/2020, **T1** gặp **Trần Văn T2**, nhờ **Thật** kiểm chỗ cầm xe. **Thật** chạy xe đến gặp anh **Lê Vũ B** nói có người bạn cần mượn 10.000.000đồng nên anh **B** đưa tiền cho **T2**, **T2** đưa xe mô tô 95B1-833.46 cho anh **B** giữ hẹn vài hôm sẽ trả tiền và chuộc xe. Sau khi được tiền **T2** đem về đưa cho **T1**, **T1** cho **Thật** 1.500.000 đồng, số còn lại dùng đánh đề và tiêu xài cá nhân hết. Sau khi xài hết tiền, **T1** tiếp tục điện thoại cho **T2** kêu **T2** lấy thêm 5.000.000 đồng, **T2** đến gặp anh **Lê Vũ B** lấy thêm 5.000.000 đồng đưa cho **T1**, sau khi được tiền **T1** đánh đề thua hết nên mượn xe của **T2** chạy về nhà thì gặp **N** vẫn còn ở nhà. Nghi đòi lại xe thì **T1** nói dối là xe mô tô đã bị Công an rượt nên **T1** chạy trốn và đã gửi ở nhà bạn. Nói xong, **T1** điều khiển xe mô tô đi khỏi nhà, thấy nghi ngờ **N** điện thoại cho **T1** thì **T1** nói đã cầm xe của **N** cho anh **B**, **N** yêu cầu **T1** chuộc xe trả lại nhưng **T1** nói không có tiền để chuộc xe. Lúc này, **T1** kêu **T2** gặp anh **B** lấy thêm 5.000.000 đồng thì anh **B** không đồng ý nên **T1** đã nhờ **T2** chờ **T1** đến gặp anh **B**, anh **B** đồng ý đưa thêm cho **T1** 5.000.000đồng và viết biên nhận thế chấp lại xe mô tô nêu trên, **T1** tiếp tục dùng số tiền trên để đánh đề và thua hết. Do không có tiền chuộc xe trả Nghi nên **Võ Chí T1** đã bỏ trốn đến

tỉnh Bạc Liêu. Đối với **N** không thấy **T1** chuộc xe trả lại đã trình báo với Cơ quan Cảnh sát điều tra – **Công an huyện C**

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 49/KL.ĐGTS ngày 25/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong **TTHS huyện C** đã định giá và kết luận: *Kết luận định giá tài sản trong vụ “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” xảy ra ngày 17/6/2020 tại **ấp D, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang** là 65.130.000 đồng (Bút lục số: 29-30).*

Vật chứng đã tạm giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Sonic, màu trắng đỏ đen, biển số kiểm soát 95B1-833.46 do **Lê Vũ B** giao nộp (**Bút lục số: 15**); 01 giấy thế chấp tài sản do **Võ Chí T1** và **Trần Văn T2** ký tên (bản gốc – lưu trong hồ sơ vụ án tại **bút lục số 18**).

Tại Cáo trạng số 58/CT-VKS-HCTA ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A đã truy tố bị cáo **Võ Chí T1** về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 175 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo **Võ Chí T1** về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; phân tích hành vi, tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân của bị cáo, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Võ Chí T1** phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 175, điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 38, Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Võ Chí T1** từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt để tạm giữ, tạm giam.

Về vật chứng: Đối với xe mô tô biển số kiểm soát 95B1-833.46 là của ông **Nguyễn Trường L** (cha **Nguyễn Trường N**) đứng tên chủ sở hữu. Ngày 02/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra – **Công an huyện C** ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu, đã trả lại xe mô tô nói trên (**Bút lục số: 75-76**). Do đó đề nghị không đặt ra xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: **Nguyễn Trường N** đã nhận lại xe mô tô, không yêu cầu bị cáo **Võ Chí T1** bồi thường; Đối với số tiền **T1** đã nhận của anh **Lê Vũ B**, **Võ Chí T1** đã tác động nhờ chị ruột là **Võ Thị Bé M** bồi thường xong nên không đề cập xem xét (**Bút lục số: 117-118; 123-124**).

Quá trình điều tra, bị cáo **Võ Chí T1** khai dùng tiền cầm xe để đánh bạc trái phép (hình thức mua số đề) của bà **Thạch Thị V1**. Qua làm việc bà **V1** không thừa nhận sự việc nêu trên. Đối với hành vi đánh bạc trái phép của **Võ Chí T1**, đã kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành làm rõ và xử lý sau (**Bút lục số: 121-222; 131**).

Đối với **Trần Văn T2**, quá trình điều tra vắng mặt tại địa phương nên chưa làm việc được. Tuy nhiên, qua làm việc **Võ Chí T1** khai khi nhờ **T2** cầm xe không nói cho **T2** biết về nguồn gốc xe mô tô là do chiếm đoạt của bị hại **Nguyễn Trường N** mà có (**Bút lục số: 73-74; 93**).

Tại phiên tòa, bị cáo **Võ Chí T1** thừa nhận hành vi phạm tội, tỏ ra ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Việc khởi tố, điều tra của cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện C**, việc truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố hình sự năm 2015. Vụ án đủ điều kiện để đưa ra xét xử.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, những người này đã cung cấp đầy đủ lời khai, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến đường lối giải quyết vụ án. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Về hành vi phạm tội: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo **Võ Chí T1** thừa nhận hành vi bị cáo đã thực hiện. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, chứng minh được như sau:

[3.1] Bị cáo **Võ Chí T1** lợi dụng sự quen biết với bị hại nên vào ngày 17/6/2020, tại **ấp D, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang**, sau khi mượn xe mô tô biển số kiểm soát nhân hiệu Honda Sonic, biển số kiểm soát 95B1-833.46 của bị hại **Nguyễn Trường N**, bị cáo **Võ Chí T1** đã nhờ **Trần Văn T2** cầm xe mô tô nói trên cho anh **Lê Vũ B** để lấy số tiền 20.000.000 đồng, sau đó tiêu xài cá nhân hết, không có khả năng chuộc xe mô tô trả lại cho bị hại đã bỏ trốn khỏi địa phương.

[3.2] Tại kết luận định giá định giá tài sản số 49/KL.ĐGTS ngày 25/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện Châu Thành A đã định giá và kết luận xe mô tô nhãn hiệu Honda Sonic, biển số kiểm soát 95B1-833.46 có giá trị là 65.130.000 đồng. Hành vi của bị cáo **Võ Chí T1** là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó, bị cáo **Võ Chí T1** phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình đã gây ra.

[4] Về tội danh:

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, do muốn có tiền tiêu xài cá nhân, bản thân lười lao động nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bạn bị cáo là **Nguyễn Trường N**. Lợi dụng lòng tin của **N**, bị cáo đã mượn xe của **N** rồi mang đi cầm để lấy tiền. Sau khi mượn xe, đi cầm và lấy được tiền bị cáo đã bỏ đi đến tỉnh Bạc Liêu mà không thông báo cho anh **N** biết.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo biết rõ hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp nhằm chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã bồi thường khắc phục thiệt hại cho bị hại; tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị hại có yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[6] Tính chất, mức độ thực hiện hành vi và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo **Võ Chí T1** lợi dụng sự tín nhiệm của bị hại đối với mình, bị cáo đã mượn tài sản của bị hại sau đó không trả mà mang đi cầm lấy tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo biết rõ đó là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham, lười lao động lại muốn có nhiều tiền để tiêu xài nên bị cáo vẫn thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực

tiếp, điều đó chứng tỏ rằng bị cáo coi thường pháp luật. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để răn đe, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tỏ ra biết ăn năn hối cải, lần đầu phạm tội nên khi lượng hình Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự hạ khung hình phạt, giảm nhẹ một phần trách nhiệm cho bị cáo thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận đủ tiền và không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng trong vụ án: Đối với xe Honda Sonic, biển số kiểm soát 95B1-833.46 đã giao trả cho chủ sở hữu nên không đặt ra xem xét; 01 giấy thể chấp tài sản do **Võ Chí T1** và **Trần Văn T2** ký tên (bản gốc – lưu trong hồ sơ vụ án tại *bút lục số 18*)

[9] Đối với **Lê Vũ B** khi nhận cầm xe của bị cáo đã không biết bị cáo có hành vi gian dối đối với anh **N** nên đã đồng ý nhận cầm xe của anh **N** và giao tiền cho bị cáo, bởi thực tế **B** cũng không phải là chủ tiệm cầm đồ, khi biết xe do bị cáo phạm tội mà có, anh **B** đã tự nguyện giao cho cơ quan chức năng xử lý theo pháp luật. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý anh **B** là phù hợp.

[10] Đối với **Trần Văn T2**, quá trình điều tra vắng mặt tại địa phương nên cơ quan điều tra chưa làm việc được. Tuy nhiên qua lời khai của bị cáo **T1** xác định, khi giao xe cho **T2** đi cầm, **T1** không nói cho **T2** biết nguồn gốc xe nên Thật hoàn toàn không biết xe do **T1** chiếm đoạt của người khác.

[11] Đối với **Võ Thị Bé M** là người bỏ số tiền ra khắc phục hậu quả cho bị cáo, tại phiên tòa chị **M** không yêu cầu bị cáo trả lại nên không đặt ra xem xét.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A là có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Võ Chí T1** phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1. Căn cứ vào Điều 268, Điều 269 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 175, điểm b, s, khoản 1, Điều 51, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Võ Chí T1** 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt để tạm giam ngày 16/5/2024. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày xét xử sơ thẩm để đảm bảo việc thi hành án.

2. Về vật chứng: Đã xử lý xong.

3. Về trách nhiệm dân sự: Đã bồi thường xong không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH quy định về án phí lệ phí Tòa án, bị cáo **Võ Chí T1** phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 333 Bộ luật tố tụng Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật; chị **Võ Thị Bé M** có kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành A;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Chi cục THADS h.Châu Thành A;
- Đội CSTHAHS và HTTP Công an h.Châu Thành A;
- Đội CSĐTTP về TTXH Công an h.Châu Thành A;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Mạc Thị Chiên